

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp sai phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê và tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp đối với hộ gia đình và cá nhân để tránh gây thiệt hại cho Nhà nước cũng như cho người sử dụng đất.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực nào thì Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh Bình Dương thông qua các sở, ngành quản lý lĩnh vực đó để xem xét, giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết thì các sở, ngành phải báo cáo và đề xuất ý kiến thông qua Sở Tài chính tổng hợp đề xuất cho UBND tỉnh Bình Dương xem xét, quyết định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế Quyết định số 47/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Dương về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục Thuế;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh, các Đoàn thể;
- CT và PCT UBND tỉnh Bình Dương;
- Các sở, ban, ngành: TC, TNMT, TP, Thuế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm công báo tỉnh Bình Dương;
- Website tỉnh Bình Dương;
- LĐVP, Lâm, HCTC, TH, Hùng (HC);
- Lưu: VT. *VT* . *đpt*.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
K.T. CHỦ TỊCH *b*
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trần Văn Nam



Phụ lục I
BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT (K)
ĐỐI VỚI ĐẤT THUỘC KHU VỰC NÔNG THÔN
CÁC TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH - KHU VỰC 1
(Kèm theo Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)	
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
I. THỊ XÃ THUẬN AN:					
1	Hương lộ 9	Ranh An Thạnh - An Sơn	Sông Sài Gòn	1,4	1,4
2	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,4	1,4
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,4	1,4
II. THỊ XÃ BẾN CÁT:					
1	ĐH-606 (Đường Hùng Vương)	Cầu Đò	Ngã 4 An Điền + 200m	1,2	1,3
		Ngã 4 An Điền + 200m	Ngã 3 Rạch Bắp	1,2	1,3
2	ĐH-608	Ngã 4 Thùng Thơ	Ngã 3 Chú Lương	1,2	1,3
3	ĐT-744	Cầu Ông Cộ	Ranh xã Thanh Tuyền	1,2	1,3
4	ĐT-748 (Tinh lộ 16)	Ngã 4 Phú Thứ	Cách ngã 4 An Điền 100m	1,2	1,3
		Cách ngã 4 An Điền 100m	Ngã 4 An Điền + 100m	1,2	1,3
		Ngã 4 An Điền + 100m	Ranh xã An Lập	1,2	1,3
5	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,0	1,2
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,0	1,2
III. THỊ XÃ TÂN UYÊN:					
1	ĐT-742	Ranh Phú Tân - Phú Chánh	Cầu Trại Cua	1,2	1,3
		Cầu Trại Cua	Ranh Vĩnh Tân - Tân Bình	1,2	1,3
2	ĐT-746	Cầu Hồ Đại (ranh Tân Phước Khánh - Tân Vĩnh Hiệp)	Cầu Tân Hội (ranh Tân Vĩnh Hiệp - Tân Hiệp)	1,3	1,3
		Ranh Hội Nghĩa - Tân Lập	ĐT-747 (Hội Nghĩa)	1,1	1,2
3	ĐT-747	Ranh Uyên Hưng - Hội Nghĩa	Cầu Bình Cơ (ranh Hội Nghĩa - Bình Mỹ)	1,2	1,3
4	ĐT-747B	Ranh Tân Hiệp - Hội Nghĩa	ĐT-747 (Hội Nghĩa)	1,2	1,3
5	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,1	1,2
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,1	1,2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)	
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
IV.	HUYỆN BÀU BÀNG:				
1	Đại lộ Bình Dương	Ranh phường Mỹ Phước	Cầu Tham Rót	1,0	1,3
2	ĐH-603	Ranh phường Chánh Phú Hòa	Đại lộ Bình Dương (UBND xã Lai Hưng cũ)	1,0	1,2
3	ĐT-741B (ĐH-612; Bó Lá - Bến Súc)	Ngã 3 Bó Lá	Ngã 3 Bia chiến thắng Bàu Bàng	1,0	1,3
4	ĐT-749A (Tỉnh lộ 30)	Ranh phường Mỹ Phước (Cầu Quan)	Ranh xã Long Tân	1,0	1,3
5	ĐT-749C (ĐH - 611)	Ngã 3 Bàu Bàng	Ngã 3 đôn gánh (ĐT-749A)	1,0	1,2
6	ĐT-750	Ngã 3 Trừ Văn Thố	Ranh xã Long Hòa	1,0	1,2
		Ngã 3 Bằng Lăng	Ranh xã Tân Long	1,0	1,2
7	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,0	1,2
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,0	1,2
V.	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN:				
1	ĐT-741	Cua Bari	Ranh Tân Bình - Phước Hòa	1,0	1,3
2	ĐT-742	Cầu Trại Cua	Ngã 3 Cổng Xanh	1,0	1,3
3	ĐT-746	Ranh Uyên Hưng - Tân Mỹ	Ranh Lạc An - Hiếu Liêm	1,0	1,2
		Ranh Lạc An - Hiếu Liêm	Ranh Tân Định - Tân Thành	1,0	1,2
		Ranh Tân Định - Tân Thành	Ranh Tân Lập - Hội Nghĩa (km 69 + 250)	1,0	1,2
4	ĐT-747	Cầu Bình Cơ (Ranh Hội Nghĩa - Bình Mỹ)	Ngã 3 Cổng Xanh	1,0	1,3
5	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,0	1,2
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,0	1,2
VI.	HUYỆN PHÚ GIÁO:				
1	ĐT-741	Ranh Tân Uyên - Phú Giáo	ĐH-515	1,0	1,1
		ĐH-515	ĐH-514 (UBND xã Phước Hòa)	1,0	1,1
		ĐH-514 (UBND xã Phước Hòa)	Ngã 3 vào chợ Phước Hòa	1,0	1,1
		Ngã 3 vào chợ Phước Hòa	ĐH-513	1,0	1,1
		ĐH-513	Cầu Vàm Vá	1,0	1,1

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)	
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
1	ĐT-741	Ranh An Bình - Phước Vĩnh	UBND xã An Bình	1,0	1,1
		UBND xã An Bình	Ranh tỉnh Bình Phước	1,0	1,1
2	ĐT-750	ĐT-741	Cầu số 1 xã Phước Hòa	1,0	1,1
		Cầu số 1 xã Phước Hòa	Cầu số 4 Tân Long	1,0	1,1
		Cầu số 4 Tân Long	Ranh xã Trừ Văn Thố	1,0	1,1
3	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,0	1,1
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,0	1,1
VII. HUYỆN DẦU TIẾNG:					
1	ĐT-744	Nông trường cao su Phan Văn Tiến	Ngã tư Chú Thai	1,0	1,1
		Ngã tư Chú Thai	Ranh xã Thanh An	1,0	1,1
		Ranh xã Thanh Tuyền	Ranh thị trấn Dầu Tiếng (cầu Cát)	1,0	1,1
		Ngã 4 Kiểm Lâm	Đội 7	1,0	1,1
		Các đoạn đường còn lại		1,0	1,1
2	ĐT-748	Ranh xã An Điền	Ngã tư An Lập + 500m về hướng Ngã 3 Giáng Hương	1,0	1,1
		Các đoạn đường còn lại		1,0	1,1
3	ĐT-749A (Tinh lộ 30 cũ)	Ngã 3 Đòn Gánh (ranh Long Nguyên - Long Tân)	Ngã 4 Ủy ban nhân dân xã Long Tân	1,0	1,1
		Ngã 4 UBND xã Long Tân	ĐH-721	1,0	1,1
		ĐH-721	Cầu Thị Tính	1,0	1,1
		Các đoạn đường còn lại		1,0	1,1
4	ĐT-749B	Cầu Bà Và (Minh Thạnh)	Ranh xã Minh Hòa	1,0	1,1
		Ranh Minh Hoà - Minh Thạnh	Cầu Giáp Minh (xã Minh Hòa)	1,0	1,1
		Các đoạn đường còn lại		1,0	1,1
5	ĐT-749D (Bố Lá - Bến Súc)	Ngã 3 Long Tân	Cầu Phú Bình (ranh Long Tân - An Lập)	1,0	1,1
		Cầu Phú Bình (ranh Long Tân - An Lập)	Ranh xã Thanh Tuyền	1,0	1,1
		Ranh xã Thanh Tuyền	Ngã 4 Chú Thai (ĐT-744)	1,0	1,1
6	Bố Lá - Bến Súc	Ngã 4 Chú Thai (ĐT-744)	Cầu Bến Súc	1,0	1,1
7	ĐT-750	Ngã 3 Giáng Hương	Đầu Lô 39 Nông trường Đoàn Văn Tiến	1,0	1,1
		ĐT-749A (Nông trường Long Hòa)	Xã Cây Trường II	1,0	1,1
		Các đoạn đường còn lại		1,0	1,1
8	Đường Hồ Chí Minh	Long Tân (ranh Trừ Văn Thố)	Thanh An (giáp sông Sài Gòn)	1,0	1,1

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		HỆ SỐ (K)	
		TỪ	ĐẾN	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
9	Đường nội bộ các khu thương mại, khu dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất, khu du lịch, khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư.	Bề rộng mặt đường từ 9m trở lên		1,0	1,1
		Bề rộng mặt đường nhỏ hơn 9m		1,0	1,1